

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hồng Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Hân

2. Ông Lâm Thành Danh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Vũ Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-KT ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm: 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 19, ấp A, xã B, huyện C, thành phố D.

- Bị đơn: Ông Phạm Anh Kiệt, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 19, ấp A, xã B, huyện C, thành phố D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 12/5/2022 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Xuân trình bày:

Bà và ông Phạm Anh K tự nguyện sống chung từ năm 2001, có đăng ký kết hôn vào ngày XX tháng XX năm XXXX tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố D. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được 21 năm thì xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Anh K.

Về con chung: Bà X trình bày không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà X trình bày không có.

Đối với bị đơn ông Phạm Anh K đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông K không có ý kiến, đồng thời vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập mà không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh Xuân là chính đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Xuân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn có đơn xin ly hôn đối với ông Phạm Anh K có địa chỉ tại Tổ 19, ấp A, xã B, huyện C, thành phố D và quan hệ tranh chấp này là tranh chấp ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì:

Bà Nguyễn Thị Thanh X tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Ông Phạm Anh K tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo nội dung đơn xin ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày bà và ông Phạm Anh K tự nguyện sống chung từ năm 2001, có đăng ký kết hôn vào ngày XX tháng XX năm XXXX tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố D, theo giấy chứng nhận kết hôn số XXX. Như vậy hôn nhân giữa bà X và ông K được pháp luật công nhận.

+ Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh X được ly hôn với ông Phạm Anh K: Việc mâu thuẫn của vợ chồng bà X là do ông K không làm tốt vai trò, trách nhiệm của người chồng để cùng bà X chăm lo cuộc sống cho gia đình về kinh tế cũng như việc hàn gắn tình cảm vợ chồng xây dựng gia đình hạnh phúc; trong suốt thời gian qua giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà X nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông K không sửa đổi, mâu thuẫn giữ hai vợ chồng ngày một trầm trọng mà không thể hòa giải được. Đến nay bà X nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và tình cảm ngày càng lạnh nhạt không thể hàn gắn lại được. Vì vậy bà X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông K.

Xét thấy: Khi đã là vợ chồng thì cả hai phải cùng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng ông K không quan tâm đến vợ, không thể hiện trách nhiệm làm chồng, không chăm lo cho đời sống chung. Tòa án cũng đã triệu tập ông K nhiều lần để tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện thái độ bỏ mặc và không có thiện chí hay biện pháp gì nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc, chứng tỏ rằng mâu thuẫn chung của vợ chồng giữa bà X, ông K đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà X là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về quan hệ con chung: Bà X trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà X trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà X là có căn cứ, lời đề nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh X là người nộp đơn xin ly hôn nên bà phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

[5] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 71, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X được ly hôn với ông Phạm Anh K.

2. Về con chung: Ghi nhận bà X trình bày không có con chung và không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung trong cùng vụ án này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận bà X trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong cùng vụ án này.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thanh X phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Hồ đã nộp theo biên lai số AA/2021/XXXXXXX ngày XX/XX/XXXX của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VSKND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Dương Hồng Khanh**